

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN B ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN B
Bản án số: 102/2024/HS-ST
Ngày 25-7-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN B ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN B

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Như Lữ.

2. Ông Vũ Xuân Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Cà Thị Phương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện B Đông, tỉnh Điện B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện B Đông tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thơ, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện B Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 104/2024/HSST ngày 03 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1- Họ và tên: **Lò Văn T** (không có tên gọi khác), sinh năm 1962 tại tỉnh Điện B; nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản P, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện B; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn P (đã chết) và bà Lò Thị N (đã chết); có vợ là Lò Thị H, sinh năm 1964 và có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án: không; tiền sự: không. Nhân thân: chưa bị xét xử, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị bắt tạm giữ ngày 20/3/2024 đến ngày 29/3/2024 tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2- Họ và tên: **Quàng Văn B** (không có tên gọi khác), sinh năm 1979 tại tỉnh Điện B; nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện B; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quàng Văn D, sinh năm: 1949 và bà Lương Thị H, sinh năm 1954; có vợ là Lò Thị T, sinh năm 1982 và có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án: không; tiền sự: không. Nhân thân: chưa bị xét xử, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị bắt tạm giữ ngày 20/3/2024 đến ngày 29/3/2024 tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1992. Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện B. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Quảng Văn B:* Bà Mai Thị Thanh L, sinh năm: 1990. Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 8 giờ 45 phút ngày 20/3/2024 sau khi uống Methadone tại trạm y tế xã M xong, Lò Văn T sử dụng điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy M31 có số thuê bao di động 0325081557 của T gọi vào điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7 có số thuê bao di động 0355363510 của Quảng Văn T hỏi mua 300.000đ Hồng phiến, hẹn đến khu vực bản N, xã M, huyện Đ gặp lấy ma túy. Đến 9 giờ, cùng ngày cả hai gặp nhau, T đưa cho B 260.000đ và xin nợ 40.000đ, B đưa cho T 01 gói nilon màu xanh bên trong có 15 viên nén màu hồng. Sau khi mua được ma túy, T xin đi nhờ xe của một người không quen biết lên lán nương của T, T mở ra đem đúng có 15 viên nén màu hồng, T dùng mảnh nilon màu đen gói lại để trên đầu giường. Đến 9 giờ 15 phút cùng ngày khi T chuẩn bị sử dụng ma túy tại lán nương thì bị tổ công tác Công an huyện Đ phối hợp với công an xã M làm nhiệm vụ tuần tra kiểm soát tại khu vực bản P, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên phát hiện bắt quả tang. Thu giữ 01 gói nilon màu đen bên trong có chứa 15 viên nén màu hồng trên bề mặt các viên đều có ký hiệu WY nghi Methamphetamine và một chiếc điện thoại cảm ứng nhãn hiệu Samsung Galaxy M31 bên trong có 2 sim điện thoại 0376.089.892 và 0325.081.557.

Cùng ngày 20/3/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Quảng Văn B, trú tại Bản N, xã M, huyện Đ. Tiến hành các biện pháp điều tra xác định Quảng Văn B là người đã bán ma túy cho Lò Văn T vào sáng ngày 20/3/2024. Quảng Văn B khai nhận nguồn gốc số ma túy mà B bán cho T là do B mua của một người đàn ông dân tộc mông tên D tại khu vực đường thuộc bản P, xã P vào ngày 17/3/2024. Công an thu giữ của Quảng Văn B số tiền 260.000 đồng (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có số sezi AZ11304692, 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng có số sezi JA 23817187, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng có số sezi BN 19579209) và 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO A7, kèm sim 0355.363.510.

Tại Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng hồi 12 giờ 45 phút ngày 20/3/2024 và kết luận giám định số: 585/KL-KTHS ngày 26/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: 15 viên nén màu hồng thu giữ của Lò Văn T có khối lượng là 1,39 gam là chất ma túy loại Methamphetamine. Hoàn lại 1,33 gam Methamphetamine sau giám định.

Tại bản kết luận giám định số: 594/KL-KTHS ngày 29/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận số tiền 260.000đ (gồm 01 tờ tiền

mệnh giá 200.000 đồng có số sezi AZ11304692, 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng có số sezi JA 23817187, 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng có số sezi BN 19579209) thu của Quảng Văn B cơ quan điều tra gửi giám định là tiền thật.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra chưa làm rõ được người đàn ông dân tộc Mông tên D mà bị cáo Quảng Văn B khai đã bán ma túy cho bị cáo do không có thông tin cụ thể.

Cáo trạng số: 76/CT-VKSĐBĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Quảng Văn B về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Lò Văn T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo Điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Lò Văn T, Quảng Văn B cả về tội danh và điều luật áp dụng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 251; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Quảng Văn B từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

+ Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 01 năm 07 tháng đến 01 năm 10 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

+ Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy 1,33 gam Methamphetamine (hoàn lại sau giám định) và 01 vỏ nilon màu đen cùng vỏ phong bì niêm phong cũ; tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 260.000 đồng, 01 chiếc điện thoại cảm ứng nhãn Samsung Galaxy kèm 2 sim điện thoại 0376.089.892 và 0325.081.557 thu giữ của Lò Văn T, 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO A7 kèm sim 0355.363.510 thu giữ của Quảng Văn B;

+ Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

+ Về án phí hình sự sơ thẩm: đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, những người bào chữa cho các bị cáo đều nhất trí với phân tích và đề xuất của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo. Về hình phạt chính đề nghị cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt. Không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn T, Quảng Văn B.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát và những người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào việc bố vợ bị cáo Quảng Văn B là ông Lò Văn L có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, mẹ vợ của bị cáo Lò Văn T là bà Lò Thị Dom là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân

chương kháng chiến để làm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T đề nghị Tòa án căn cứ vào việc bị cáo Lò Văn T khi bị bắt đã khai ra bị cáo Quảng Văn B là người bán ma túy cho bị cáo để áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo T “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án”. Tranh luận vấn đề này, đại diện Viện kiểm sát không nhất trí và cho rằng việc T khai ra B thể hiện sự thành khẩn khai báo đã được đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho Lò Văn T.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận gì thêm với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về hành vi của các bị cáo Lò Văn T, Quảng Văn B bị truy tố thấy rằng:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Cụ thể, ngày 17/3/2024 Quảng Văn B đã có hành vi mua 15 viên hồng phiến với giá 150.000đ của một người đàn ông dân tộc Mông tên D mục đích để sử dụng và bán lẻ kiếm lời. Đến Khoảng 09 giờ ngày 20/3/2024 Quảng Văn B đã bán cho Lò Văn T 15 viên hồng phiến với giá 260.000đ. Bị cáo Lò Văn T khai nhận mục đích mua 15 viên hồng phiến là để sử dụng cho bản thân, chưa kịp sử dụng đã bị phát hiện bắt giữ. Khối lượng 15 viên hồng phiến là 1,39 gam, giám định xác định là Methamphetamine.

Như vậy, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các lời khai trong hồ sơ vụ án, phù hợp với B bản bắt quả tang Lò Văn T đang tàng trữ 15 viên hồng phiến, Biên bản niêm phong vật chứng, Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng và lấy mẫu giám định, kết luận giám định, Biên bản nhận dạng, đối chất giữa các bị cáo; Kết luận điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định các bị cáo Lò Văn T và Quảng Văn B đều là những người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã cố ý trong thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bị cáo Quảng Văn B có hành vi mua bán trái phép 1,39 gam Methamphetamine, thu lợi bất chính 260.000đ, hành vi đó đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại Khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lò Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép 1,39gam Methamphetamine để sử dụng nên đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự quy định: “ *Người nào mua bán trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm*”.

Tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định: “*Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*:

c. Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

Như vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật là có căn cứ cần chấp nhận.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội thấy rằng

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, cần xử lý nghiêm minh.

Các bị cáo phạm tội độc lập với nhau trong đó bị cáo Quảng Văn Biên là người có hành vi bán trái phép chất ma túy, bị cáo Lò Văn T là người có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng. Tuy nhiên các bị cáo đều phải chịu cùng khối lượng 1,39 gam Methamphetamine bị thu giữ bởi đây là số ma túy mà bị cáo B đã bán cho bị cáo T các bị cáo đã thừa nhận.

[3]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng.

- Về nhân thân: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, sinh sống tại địa bàn có tình hình tội phạm về ma túy phức tạp, đã không thoát khỏi cám dỗ chất gây nghiện, không đủ bản lĩnh cai nghiện nên mới có hành vi phạm tội như ngày hôm nay.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo.

Riêng đối với bị cáo Lò Văn T đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc khai báo, chỉ điểm hỗ trợ cơ quan điều tra phát hiện được tội phạm mới được cơ quan điều tra có công văn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm t Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Mặc khác bị cáo Lò Văn T có nhiều thành tích trong quá trình công tác hội cựu chiến binh tại địa phương được tặng thưởng nhiều giấy khen của UBND huyện Đ đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Hội đồng xét xử không chấp nhận đề xuất của đại diện Viện kiểm sát và những người bào chữa cho rằng bố vợ bị cáo Quàng Văn B là ông Lò Văn L và mẹ vợ của bị cáo Lò Văn T là bà Lò Thị D là những người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến để làm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo bởi những người có công trên không phải là những người thân thích của các bị cáo và bản thân các bị cáo cũng không có công sức gì trong chăm sóc, nuôi dưỡng những người có công trên.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T lập luận cho rằng khi bị bắt bị cáo T đã khai ra Quàng Văn B là người đã bán ma túy cho bị cáo, căn cứ lời khai này B đã bị bắt, khởi tố, truy tố, xét xử như ngày hôm nay nên đề nghị cho bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm t Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử không chấp nhận bởi việc bị cáo T khai ra bị cáo B là người bán ma túy cho bị cáo T thể hiện sự thành thật trong việc khai báo nhằm chứng minh nguồn gốc số ma túy của bị cáo T bị thu giữ, không thể hiện rõ sự tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án.

[3] Về hình phạt:

- Hình phạt chính:

Từ phân tích về hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử cần áp dụng một mức hình phạt tù có thời hạn nhất định để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

- Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 251 và Khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự đều quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo nghề nghiệp đều là nông nghiệp, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, bản thân các bị cáo nghiện chất ma túy không có điều kiện để thi hành án. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp như đại diện Viện kiểm sát và những người bào chữa đã đề xuất.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về vật chứng vụ án:

+ Đối với 1,39 gam Methamphetamine đã giám định hết 0,06 gam, còn lại 1,33 gam Methamphetamine là chất thuộc Nhà nước cấm tàng trữ cấm lưu hành,

cần tịch thu và tiêu hủy toàn bộ theo quy định điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Đối với 01 mảnh nilon màu đen cùng phong bì niêm phong cũ là vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Đối với 260.000 đồng thu giữ của Quàng Văn B là tiền bị cáo phạm tội mà có do đó cần tịch thu sung ngân sách nhà nước theo quy định của điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Đối với 01 chiếc điện thoại cảm ứng nhãn Samsung Glaxy M31, kèm 2 sim điện thoại 0376.089.892 và 0325.081.557 thu giữ của Lò Văn T, 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO A7, kèm sim 0355.363.510 thu giữ của Quàng Văn B các bị cáo dùng làm phương tiện liên lạc trao đổi mua bán trái phép chất ma túy cần tịch thu sung ngân sách nhà nước theo quy định điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, đang cư trú ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và tại phiên tòa các bị cáo đều xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[7] Các vấn đề khác: Đối với người đàn ông dân tộc Mông tên D mà bị cáo Quàng Văn B khai đã bán ma túy cho bị cáo. Do bị cáo B không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của người này nên trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 251; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Quàng Văn B (không có tên gọi khác) phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Xử phạt bị cáo Quàng Văn B 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 20/3/2024).

2. Căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s, t Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lò Văn T (không có tên gọi khác) phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Xử phạt bị cáo Lò Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 20/3/2024).

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 1,33 gam Methamphetamine (hoàn lại sau giám định) và 01 mảnh nilon màu đen cùng vỏ phong bì niêm phong cũ.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước: Số tiền 260.000đ (Hai trăm sáu mươi nghìn đồng); 01 chiếc điện thoại cảm ứng nhãn Samsung Glaxy M31 có số IMEI 1: 354479115359125, số IMEI 2: 354480115359123 bên trong có 2 sim điện thoại 0376.089.892 và 0325.081.557 thu giữ của Lò Văn T; 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng mặt sau màu hồng nhãn hiệu OPPO A7, số IMEI 1: 868568043263596, số IMEI 2: 868568043263588 bên trong có sim 0355.363.510 thu giữ của Quảng Văn B.

Vật chứng đã được bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo Biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 03/7/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ.

4. Về án phí: Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn T, Quảng Văn B.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/7/2024)./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Nhà tạm giữ C.A huyện Đ;
- Phòng NVHS CA huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Phòng KTNV&THA TAT;
- Cơ quan THAHS C.A tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Các bị cáo;
- Những người bào chữa
- Lưu: Hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga

